

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 268/2024/DS-ST
Ngày: 03/6/2024
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Phương Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Chính

2. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Nguyệt Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Quang Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 03/6/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 748/2023/TLST-DS ngày 29/11/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2024/QĐXXST-DS ngày 23/4/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 117/2024/QĐST-DS ngày 13/5/2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần A

Địa chỉ: S, Phường A, Quận W, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh N (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Lầu C, Tòa nhà G, Phường H, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo văn bản ủy quyền số 1997/2023/UQ-QLN.23 ngày 25/10/2023).

2. **Bị đơn:** Ông Nguyễn Minh T (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 221/222/4 Ấp 5, xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Thanh N trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (viết tắt là Ngân hàng) cấp tín dụng cho ông Nguyễn Minh T căn cứ theo: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 04/12/2020; Bản các

điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A. Theo đó, Ngân hàng đã cấp cho ông T thẻ tín dụng có số thẻ 4365 9910 0056 2471, ngày cấp 14/12/2020, loại thẻ Visa Platinum (thẻ tín dụng quốc tế), hạn mức thẻ là 50.000.000đồng, hiệu lực thẻ đến tháng 12/2023, lãi suất (trong hạn, quá hạn), phí xác định theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng.

Ông T đã sử dụng thẻ với tổng số tiền là 57.648.723đồng (giao dịch thanh toán bằng thẻ), và đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền (gốc, lãi, phí) tổng cộng 16.239.738đồng (kể từ ngày sử dụng thẻ đến trước ngày chuyển nợ quá hạn 19/11/2021). Thứ tự thanh toán số dư nợ được quy định trong Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, tính đến ngày 19/11/2021, ông T không thanh toán cho Ngân hàng khi đến hạn. Ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng. Do đó, căn cứ thỏa thuận giữa hai bên về việc chấm dứt sử dụng thẻ và chuyển nợ quá hạn, từ ngày 19/11/2021, Ngân hàng đã chuyển khoản nợ thẻ tín dụng sang nợ quá hạn, đồng thời quyết định chấm dứt việc sử dụng thẻ và thu hồi toàn bộ nợ thẻ chưa thanh toán của ông T. Từ ngày chuyển nợ quá hạn (19/11/2021) đến nay, ông T không thanh toán cho Ngân hàng khoản tiền nào.

Theo quy định tại Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng thì mức lãi suất, phí và cách tính lãi, được quy định chi tiết tại Biểu lãi suất và phí do Ngân hàng phát hành trong từng thời kỳ. Biểu lãi suất và phí là một phần không tách rời của Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng. Ngân hàng có thể thay đổi Biểu lãi suất và phí trong quá trình sử dụng thẻ của chủ thẻ, cụ thể:

- Từ ngày 14/12/2020 (ngày cấp thẻ tín dụng) đến trước ngày chuyển nợ quá hạn (19/11/2021): Lãi suất trong hạn là 27%/năm.

- Lãi suất quá hạn: $150\% \times 27\%/năm = 40.5\%/năm$, áp dụng từ ngày chuyển nợ quá hạn (19/11/2021) đến ngày 13/7/2023.

- Từ ngày thay đổi lãi suất (14/07/2023) đến nay, lãi suất quá hạn: $150\% \times 30\%$ (lãi suất trong hạn) = 45,0%/năm.

Tính đến ngày 03/6/2024, ông T còn nợ Ngân hàng tổng cộng là 108.350.456đồng, gồm các khoản sau: Vốn gốc là 56.367.593đồng (trong đó vốn gốc tính lãi là 48.637.491đồng, vốn gốc không tính lãi là 7.730.102đồng); Tiền lãi quá hạn là 51.982.863đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu cá nhân ông T trả ngay cho Ngân hàng tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 03/6/2024 như trên và tiền lãi phát sinh từ ngày 04/6/2024 đến ngày trả hết nợ theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

Bị đơn ông Nguyễn Minh T vắng mặt, không giao nộp tài liệu, chứng cứ, không cung cấp lời khai, không đưa ra ý kiến, yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, hòa giải, gửi hồ sơ đến Viện kiểm sát, tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử áp dụng, tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và bị đơn cư trú tại huyện Hóc Môn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo qui định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Tòa án đã triệu tập, tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Trong quá trình tố tụng, do bị đơn không đến Tòa án để cung cấp lời khai, giao nộp tài liệu, chứng cứ để chứng minh và tại phiên tòa bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu của nguyên đơn dựa trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

[3.2] Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 04/12/2020, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A, sao kê, bảng kê tính lãi của ông Nguyễn Minh T và các tài liệu khác do Ngân hàng cung cấp và lời khai của Ngân hàng thì có cơ sở xác định:

[3.2.1] Ngân hàng đã cấp một thẻ tín dụng cho ông T với hạn mức sử dụng là 50.000.000đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân và lãi suất áp dụng tại thời điểm mở thẻ là 27%/năm (tính từ ngày 04/12/2020) và lãi suất này có thể điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng, lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất trong hạn, các giao dịch và phí phát sinh phải được ông T thanh toán cho Ngân hàng vào hoặc trước ngày đến hạn ghi trên thông báo (hàng tháng), việc không thanh toán số tiền tối thiểu khi đến hạn sẽ làm cho dư nợ trở nên đến hạn ngay lập tức. Kể từ ngày sử dụng thẻ đến trước ngày chuyển nợ quá hạn (19/11/2021), ông T đã sử dụng thẻ với tổng số tiền giao dịch thanh toán bằng thẻ là 57.648.723đồng, và ông T đã thanh toán lại cho Ngân hàng số tiền (gốc, lãi, phí) tổng cộng 16.239.738đồng. Từ ngày 19/11/2021, ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán và dư nợ chuyển sang quá hạn. Vốn gốc còn thiếu của ông T tính đến ngày 03/6/2024 là 56.367.593đồng (trong đó vốn gốc tính lãi là 48.637.491đồng, vốn gốc không tính lãi là 7.730.102đồng). Từ ngày 14/12/2020 đến ngày 18/11/2021, lãi suất trong hạn là 27%/năm. Lãi suất quá hạn áp dụng từ ngày chuyển nợ quá hạn (19/11/2021) đến ngày 13/7/2023: $150\% \times 27\%/năm = 40.5\%/năm$. Từ ngày thay đổi lãi suất (14/07/2023) đến nay, lãi suất quá hạn: $150\% \times 30\%$ (lãi suất trong hạn) = 45,0%/năm.

[3.2.2] Như vậy, tính đến ngày 03/6/2024, ông T nợ Ngân hàng tổng cộng số tiền là 108.350.456đồng, gồm các khoản sau: Nợ vốn gốc là 56.367.593đồng; Tiền lãi quá hạn là 51.982.863đồng.

[3.3] Từ đó, căn cứ quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử nhận định có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và buộc ông T trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 03/6/2024 là 108.350.456đồng. Ngoài ra, ông T còn phải trả tiền lãi phát sinh từ ngày 04/6/2024 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 04/12/2020, Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng.

[4] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 5.417.523đồng, ông T phải chịu. Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Danh mục án phí, lệ phí tòa án được ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Căn cứ Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

Buộc ông Nguyễn Minh T phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền nợ tính đến ngày 03/6/2024 là 108.350.456đồng (một trăm lẻ tám triệu, ba trăm năm mươi nghìn, bốn trăm năm mươi sáu đồng), trong đó: Nợ vốn gốc là 56.367.593đồng; Tiền lãi quá hạn là 51.982.863đồng.

Ngoài ra, ông T còn phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A tiền lãi phát sinh từ ngày 04/6/2024 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 04/12/2020 ký giữa ông Nguyễn Minh T và Ngân hàng Thương mại Cổ phần A, Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

2/Án phí:

Ông Nguyễn Minh T phải chịu án phí sơ thẩm là 5.417.523đồng (năm triệu, bốn trăm mười bảy nghìn, năm trăm hai mươi ba đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.621.015 đồng (một triệu, sáu trăm hai mươi một nghìn, không trăm mười lăm đồng) theo Biên lai thu số AA/2023/0008045 ngày 29/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn.

3/ Nguyên đơn, bị đơn không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND H.HM;
- THADS H.HM;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Phương Nam